

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **101/2017/DS-PT**

Ngày: 08-8-2017

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng

Các Thẩm phán: Bà Hà Thảo Quyên

Bà Phan Thị Thu Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/TLPT-DS ngày 01/3/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 145/2016/DS-ST ngày 09/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐ-PT ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Việt T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khu phố 4, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Thái Thị Quỳnh N, sinh năm 1984. (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: đường M, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền ngày 27/8/2016).

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Công T – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Thái Thị Quỳnh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: đường M, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Giấy ủy quyền ngày 19/11/2016).

2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974. (Vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo lời trình bày của Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền, lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 25/6/2016, ông T có cho bà H vay 300.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Quá trình vay nợ, bà H chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho ông T nên ông T khởi kiện ra tòa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H cho rằng bà chỉ vay của ông T 250.000.000đ, bà đã trả cho ông T được 81.200.000đ tiền gốc và trả tiền lãi đến ngày 18/8/2016 thì ngưng. Đối với giấy vay tiền ngày 26/5/2016 chữ ký trong giấy vay tiền là của bà nhưng vì bà L đưa cho bà một tờ giấy trắng nói bà ký vào để đi vay vốn ngân hàng, vì tin tưởng bà L nên bà đã ký vào giấy trên.

Ông T và bà L không thừa nhận lời khai trên của bà H và vẫn khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền gốc 300.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2016/DS-ST ngày 09/12/2016 Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt T.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/12/2016, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết những việc sau:

- Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để tiến hành xác minh lại.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T về việc yêu cầu bà thanh toán số tiền 300.000.000đ.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vô tư khách quan, trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ đối với các bên tham gia tố tụng.

Về giải quyết kháng cáo: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H chỉ thừa nhận vay 250.000.000 đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và trả được 81.000.000 đ (tám mươi một triệu đồng) chỉ còn nợ 169.000.000 đ (một trăm sáu mươi chín triệu đồng) khi vay và trả chỉ ký tên trong sổ của bà L chứ không ký nhận giấy tờ gì. Về giấy vay nợ bà H khai rằng ông T bà L đưa cho bà tờ giấy trắng không ghi nội dung gì và yêu cầu bà ký tên để vay đáo hạn ngân hàng vì tin tưởng bà đã ký, bà thừa nhận chữ ký nhưng nội dung vay bà không chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không đưa

ra được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí bà H có đơn xin xem xét lại phần án phí sơ thẩm đề nghị tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Nguyễn Thị H: Không có ý kiến gì tranh luận với nguyên đơn. Tuy nhiên hiện nay bà H gia đình khó khăn và là thân nhân gia đình liệt sĩ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn giảm một phần án phí cấp sơ thẩm đã tuyên cho bà H theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L; ông T và bà L ủy quyền cho bà Thái Thị Quỳnh N làm đại diện. Văn bản ủy quyền của ông T, bà L ký ngày 27/8/2016 và 19/11/2016 là hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa ông T và bà H có quan hệ vay mượn tiền có cả hai bên thừa nhận. Bà H chỉ thừa nhận vay của bà Nguyễn Thị L vợ ông T số tiền 250.000.000đ và bà H đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà L (không có giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có vay của ông T) nên nay bà H chỉ đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 169.000.000đ. Tuy nhiên tại giấy vay tiền đề ngày 16/5/2016 thể hiện bà Nguyễn Thị H vay ông Nguyễn Việt T số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng (BL 49). Bà H đã thừa nhận chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của bà (BL 19). Mặc dù bà H trình bày chữ ký tại giấy vay tiền ngày 25/6/2016 là do bà L đưa cho bà một tờ giấy trắng, chưa ghi nội dung để bà ký tên. Do tin tưởng bà H đã ký tên vào giấy trên. Tòa án sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành làm việc, đối chất, hòa giải nhưng bà H vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà chỉ vay của ông T số tiền 250.000.000đ, đã nhiều lần trả lãi và chứng cứ chứng minh giấy vay tiền ngày 25/6/2016 là do bà L đưa giấy không ghi nội dung cho bà ký vào (BL 31-32, 35-36, 44-45).

Từ những chứng cứ và nhận định trên nêu trên, cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo và cần bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, lẽ ra bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa bà có đơn xin miễn giảm một phần án phí dân sự sơ thẩm, có xác nhận của chính

quyền địa phương ngày 26.07.2017 và tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà H cũng yêu cầu xem xét cho bị đơn. Xét đề nghị và yêu cầu của bị đơn và luật sư Đinh Công Trường thuộc trường hợp quy định tại điều 5 Nghị Quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13.06.2012 và pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH-12 ngày 27.02.2009 của Quốc Hội nên Hội đồng xét xử thống nhất xem xét giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Nguyễn Thị H. Vì vậy cần sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp. Do phải sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Qua tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt T.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Việt T số tiền gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điều 5 Nghị Quyết 01/2012/NQ-HĐTPTANDTC ngày 13.06.2012 và Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PLUBTVQH-12 ngày 27.02.2009 của Quốc Hội.

Miễn giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông T 7.950.000đ số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai thu tiền số 7796 ngày 16/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 003227 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B cho bà Nguyễn Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh, Viện kiểm sát huyện;
- Tòa án huyện;
- Thi hành án huyện;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Thành Lượng

